

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU 14

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.

- Căn cứ Nghị định số 102/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2010 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp.

Bản điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cầu 14 tại kỳ họp thường niên ngày 17 tháng 4 năm 2015 nhất trí thông qua và thống nhất ban hành các nội dung sau:

NHỮNG ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Trong bản Điều lệ này, những định nghĩa và thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 1- Vốn điều lệ:** Là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và qui định tại Điều 8 của điều lệ này.
- 2- Cổ phần:** Là vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
- 3- Luật doanh nghiệp:** Có nghĩa là Luật doanh nghiệp số 60/2005/ QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.
- 4- Cổ phiếu:** Là chứng chỉ do Công ty cổ phần phát hành xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của cổ đông góp vào Công ty.
- 5- Cổ đông:** Là người sở hữu ít nhất một cổ phần do Công ty cổ phần phát hành.
- 6- Cổ tức:** Là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.
- 7- Cổ đông sáng lập:** Là cổ đông tham dự đại hội cổ đông lần đầu biểu quyết thông qua điều lệ và nắm giữ một tỷ lệ cổ phần được qui định tại khoản 1 Điều 12, Điều lệ công ty.
- 8- Người quản lý của Công ty:** Là thành viên của Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng công ty.
- 9- Người đại diện theo pháp luật của Công ty:** Là người được Công ty ủy quyền, thay mặt Công ty thực hiện các giao dịch vì lợi ích của Công ty, với đối tác, khách hàng và với cơ quan Nhà nước. Quyền, nghĩa vụ và chức danh của người đại diện theo pháp luật của Công ty được quy định trong Điều lệ Công ty.



CHƯƠNG I
ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1: Tên gọi, trụ sở, hình thức thành lập.

1- Tên gọi:

+ Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU 14**

+ Tên giao dịch Quốc tế: NO 14 BRIDGE JOINT STOCK COMPANY .

+ Tên viết tắt: BC14., JSC

2- Trụ sở công ty.

- Trụ sở chính:

+ Địa chỉ: Số 144/95 Vũ Xuân Thiều - P. Sài Đông - Q. Long Biên - TP. Hà Nội.

+ Điện thoại: 04.382.76447. + Fax: 04.38276133.

+ Logo công ty



+ Website: congtycau14.vn

+ Email: congtycau14@gmail.com

- Chi nhánh Công ty:

+ Địa chỉ: Số 105, Đường số 5, Phường An Phú - Quận 2 - TP Hồ Chí Minh.

3- Hình thức thành lập: Là Công ty cổ phần chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước, có tư cách pháp nhân đầy đủ, phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

4- Người đại diện theo pháp luật của Công ty: **Giám đốc công ty.**

Điều 2: Mục tiêu và ngành nghề kinh doanh:

1- Mục tiêu:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng công trình giao thông và thực hiện các dịch vụ, sản xuất khác phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

- Thực hiện sản xuất kinh doanh có lãi, sử dụng hiệu quả nguồn vốn, tăng cổ tức cho cổ đông và đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

2- Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất hóa chất cơ bản (trừ hóa chất nhà nước cấm).	2011
2	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét.	2392
3	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng ô tô theo hợp đồng.	4933

STT	Tên ngành	Mã ngành
4	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường thủy.	5022
5	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Sửa chữa, nâng cấp và chế tạo thiết bị thi công công trình.	3312
6	Sản xuất các cấu kiện kim loại Chi tiết: Sản xuất và chế tạo cấu kiện thép, bê tông phục vụ công nghiệp và dân dụng	2511
7	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ Chi tiết: Xây dựng các công trình giao thông (cầu, đường bộ);	4210
8	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm. Chi tiết: Dịch vụ giới thiệu việc làm trong nước (không bao gồm cung ứng, giới thiệu và tuyển chọn lao động cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);	7810
9	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;	6810
10	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế công trình cầu, đường bộ, san nền;	7110
11	Sản xuất sản phẩm từ Plastic Chi tiết: Sản xuất cửa uPVC có lõi thép gia cường;	2220
12	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Kinh doanh máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ thi công công trình;	4659
13	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp (bến cảng, nhà máy, thủy điện, hạ tầng kỹ thuật).	4290
14	Xây dựng nhà các loại Chi tiết: Xây dựng nhà ở;	4100
15	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;	7120
16	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ thi công công trình	8299

10/10/2011

3- Phạm vi kinh doanh và hoạt động:

- Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo giấy phép đăng ký kinh doanh và qui định của Điều lệ phù hợp với qui định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được mục tiêu của Công ty.

- Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Hội đồng quản trị (HĐQT) phê chuẩn.

Điều 3: Thời hạn hoạt động.

1- Thời hạn hoạt động của Công ty cổ phần Cầu 14 là không thời hạn kể từ ngày đăng ký kinh doanh.

2- Việc chấm dứt hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định và thực hiện theo Luật doanh nghiệp.

Điều 4: Nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Công ty.

1- Công ty hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật.

2- Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông.

3- Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị để quản trị Công ty, bầu Ban kiểm soát để kiểm tra mọi hoạt động kinh doanh, quản trị, điều hành Công ty.

4- Quản lý điều hành hoạt động của Công ty là Giám đốc, do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm.

Điều 5: Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam và các tổ chức đoàn thể.

1- Các tổ chức: Đảng cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn thanh niên trong Công ty hoạt động theo hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của tổ chức đó.

2- Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, Điều lệ của mình.

CHƯƠNG II

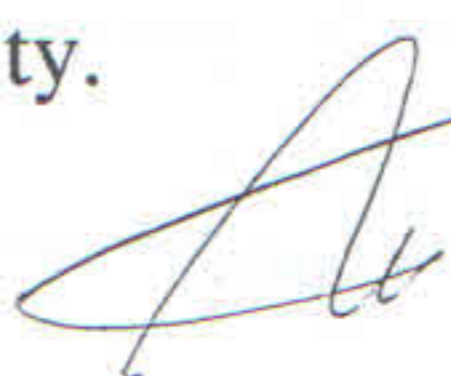
QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 6: Quyền hạn của Công ty.

1- Công ty có quyền quản lý, sử dụng vốn do cổ đông đóng góp, đất đai, tài nguyên được giao và các nguồn lực khác để thực hiện các mục tiêu kinh doanh của Công ty.

2- Tổ chức bộ máy quản lý, tổ chức các đơn vị sản xuất kinh doanh phù hợp mục tiêu, nhiệm vụ của Công ty. Phân bổ và điều chỉnh nguồn lực giữa các đơn vị trực thuộc nhằm đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh.

3- Đổi mới công nghệ, trang thiết bị phù hợp với yêu cầu phát triển và hiệu quả kinh doanh của Công ty.



- 4- Kinh doanh những ngành nghề được cơ quan có thẩm quyền cấp phép.
- 5- Tìm kiếm thị trường, trực tiếp giao dịch và ký kết hợp đồng với các khách hàng trong và ngoài nước; được trực tiếp xuất nhập khẩu theo yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.
- 6- Quyết định giá mua, giá bán vật tư, nguyên liệu, sản phẩm và dịch vụ chủ yếu (trừ những sản phẩm và dịch vụ do Nhà nước định giá).
- 7- Được quyền bảo hộ về quyền sở hữu công nghiệp, bao gồm các sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu sản phẩm, kiểu dáng công nghiệp, tên gọi xuất xứ hàng hóa theo quy định của pháp luật Việt Nam.
- 8- Tuyển chọn, thuê mượn, bố trí sử dụng, đào tạo lao động, lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng, quyết định mức lương trên cơ sở công hiến và hiệu quả sản xuất kinh doanh và các quyền khác của người sử dụng lao động theo quy định của Bộ luật lao động.
- 9- Mời và tiếp khách nước ngoài hoặc cử cán bộ, nhân viên của Công ty đi công tác nước ngoài phù hợp chủ trương mở rộng hợp tác của Công ty và các quy định của Nhà nước.
- 10- Sử dụng vốn và các quỹ của Công ty để phục vụ các nhu cầu trong kinh doanh theo nguyên tắc bảo toàn và sinh lãi.
- 11- Nhượng bán hoặc cho thuê những tài sản không dùng hoặc chưa dùng hết công suất.
- 12- Phát hành, chuyển nhượng, bán các cổ phiếu, trái phiếu theo quy định của pháp luật; được thế chấp giá trị quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản thuộc quyền quản lý của Công ty tại các Ngân hàng Việt Nam để vay vốn kinh doanh theo quy định của pháp luật.
- 13- Quyết định sử dụng và phân phối phần lợi nhuận còn lại cho các cổ đông sau khi đã làm đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, lập và sử dụng các quỹ theo quy định của Nhà nước và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 7: Nghĩa vụ của Công ty.

- 1- Đăng ký kinh doanh và kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký; chịu trách nhiệm trước các cổ đông về kết quả kinh doanh; chịu trách nhiệm trước khách hàng và pháp luật về sản phẩm và dịch vụ do Công ty thực hiện.
- 2- Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Công ty và nhu cầu thị trường.
- 3- Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế đã ký với đối tác.
- 4- Thực hiện các nghĩa vụ đối với người lao động theo quy định của Bộ luật lao động, bảo đảm cho người lao động tham gia quản lý Công ty bằng thỏa ước lao động tập thể và các quy chế của Công ty.
- 5- Thực hiện các quy định của Nhà nước và bảo vệ tài nguyên, môi trường, an ninh quốc gia và công tác phòng cháy, chữa cháy.
- 6- Thực hiện chế độ báo cáo thống kê, kế toán, báo cáo định kỳ theo quy định của Nhà nước và báo cáo bất thường theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông và chịu trách nhiệm về tính xác thực của các báo cáo.



7- Chịu sự kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định của pháp luật tuân thủ các quy định về thanh tra của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

8- Thực hiện đúng chế độ và các quy định về quản lý vốn, tài sản, các quỹ; hạch toán kế toán - thống kê, chế độ kiểm toán và các chế độ khác do pháp luật quy định; chịu trách nhiệm về tính xác thực của các báo cáo tài chính của Công ty.

9- Bảo toàn và phát triển vốn;

10- Thực hiện các khoản phải thu và các khoản phải trả ghi trong bảng cân đối kế toán của Công ty.

11- Công bố công khai các thông tin và báo cáo tài chính hàng năm; đánh giá đúng đắn và khách quan về hoạt động của Công ty.

12- Thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

13- Công ty chịu trách nhiệm vật chất đối với khách hàng trong phạm vi vốn Điều lệ của Công ty.

CHƯƠNG III

VỐN ĐIỀU LỆ - CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU - CỔ ĐÔNG VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN

Điều 8: Vốn điều lệ.

1- Vốn Điều lệ được tính theo tiền Việt Nam là: **60.000.000.000 VNĐ**.

(Bằng chữ: Sáu mươi tỷ đồng chẵn).

1.1- Số cổ phần : 6.000.000 cổ phần (sáu triệu cổ phần).

1.2- Mệnh giá một cổ phần : 10.000 đồng (mười nghìn đồng).

1.3- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.

2- Việc tăng, giảm vốn Điều lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định và phù hợp với các qui định của Pháp luật.

3- Vốn điều lệ được dùng cho các mục đích hoạt động sản xuất kinh doanh như:

3.1- Mua sắm tài sản cố định, máy móc trang thiết bị mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

a- Phát triển kỹ thuật nghiệp vụ.

b- Mua cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn, liên doanh.

c- Các dự trữ cần thiết về động sản, bất động sản.

d- Kinh doanh theo nội dung đăng ký hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

4- Không sử dụng vốn điều lệ để chia cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào (Trừ trường hợp quyết định khác mà không trái luật pháp)

Điều 9: Cổ đông sáng lập của Công ty:

1- Tổng công ty Xây dựng công trình Giao thông 1

- Số cổ phần: Không (đã chuyển nhượng).
- Địa chỉ: Số 623, đường La Thành - P. Thành Công - Q. Ba Đình - TP Hà Nội.
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Cấn Hồng Lai .

2- Công ty cổ phần Nam Vang:

- Số cổ phần: **180.000 Cổ phần.**
- Địa chỉ: Số 652 - Nguyễn Văn Cừ - P. Gia Thụy - Q. Long Biên - TP Hà Nội.
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Vang.
- Nơi đăng ký HKTT: Số 68-Hoàng Hoa Thám- Q. Tây Hồ-TP Hà Nội.
- Số CMND: 011501893 - Ngày cấp: 29/7/2002 - Nơi cấp: CA TP Hà Nội.

3- Công ty trách nhiệm hữu hạn Tân Hưng.

- Số cổ phần: **55.000 cổ phần.**
- Địa chỉ: Số 37 Hàm Long - Phường Hàng Bài - Quận Hoàn Kiếm - TP Hà Nội.
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Anh Tuấn.
- Nơi đăng ký HKTT: P 311-C3-Tập thể 34A-Trần Phú- Q. Ba Đình-TP Hà Nội.
- Số CMND: 011021810 - Ngày cấp: 06/9/2007 - Nơi cấp: CATP Hà Nội.

4- Công ty TNHH Đại Thành Long.

- Số cổ phần: Không (đã chuyển nhượng).
- Địa chỉ: Số 551 Nguyễn Văn Cừ - P. Gia Thụy - Quận Long Biên - TP Hà Nội.
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến Thành.

5- Công ty cổ phần thép và Vật tư Công nghiệp.

- Số cổ phần: Không (đã chuyển nhượng).
- Địa chỉ: Số 72 Hoàng Hoa Thám - Phường Ngọc Hà - Quận Ba Đình - TP Hà Nội.
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Minh Hải.

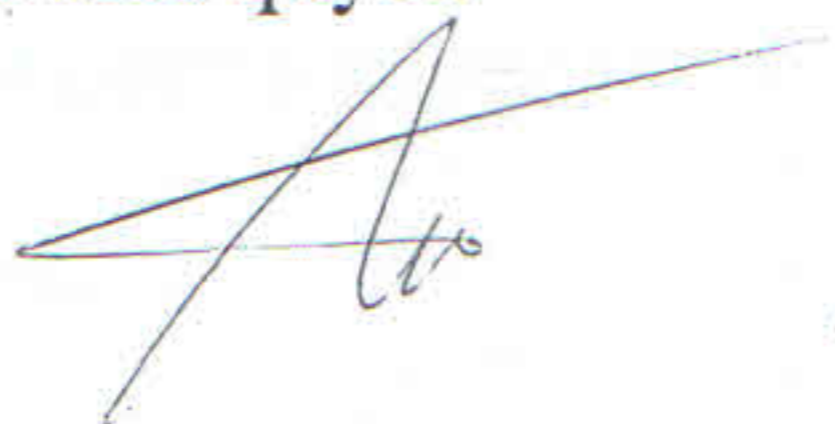
6- Ông Phạm Quảng Dương

- Số cổ phần: **52.600 cổ phần**
- Nơi đăng ký HKTT: Số 72 Hoàng Hoa Thám- Q. Ba Đình - TP Hà Nội.
- Số CMTND: 011509188 - Ngày cấp: 28/3/1997 - Nơi cấp: CATP Hà Nội.

Điều 10: Quyền của cổ đông phổ thông

1- Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

a/ Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.



b/ Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

c/ Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty.

d/ Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật doanh nghiệp.

đ/ Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.

e/ Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

g/ Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty.

h/ Các quyền khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng (sáu tháng) có các quyền sau đây:

a/ Đề cử người để bầu vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

b/ Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát.

c/ Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

d/ Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản, phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.

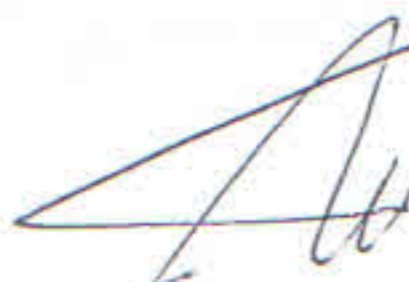
đ/ Các quyền khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a/ Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b/ Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng



cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

4- Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a/ Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thoả mãn các điều kiện quy định để đề cử người bầu vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

b/ Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên bầu vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

c/ Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 11: Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông.

1- Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua trong thời hạn 90 ngày (chín mươi ngày), kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần.

Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.

2- Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ Công ty.

3- Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

4- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5- Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a/ Vi phạm pháp luật;

b/ Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c/ Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 12: Cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập.

1- Các cổ đông sáng lập là những cổ đông tham gia thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động lần đầu của Công ty; sở hữu số lượng cổ phần tối thiểu là: 50.000 cổ phần.



2- Các cổ đông sáng lập phải cùng nhau đăng ký mua ít nhất 20% tổng số cổ phần phổ thông được quyền chào bán và phải thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

3- Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty phải thông báo việc góp vốn cổ phần đến cơ quan đăng ký kinh doanh. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a/ Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh.

b/ Tổng số cổ phần phổ thông được quyền chào bán, số cổ phần các cổ đông sáng lập đăng ký mua.

c/ Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông sáng lập là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần đăng ký mua, số cổ phần và trị giá cổ phần đã thanh toán, loại tài sản góp vốn cổ phần của từng cổ đông sáng lập.

d/ Tổng số cổ phần và giá trị cổ phần đã thanh toán của các cổ đông sáng lập.

đ/ Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm cá nhân về các thiệt hại đối với Công ty và người khác do thông báo chậm trễ hoặc thông báo không trung thực, không chính xác, không đầy đủ.

4- Trường hợp có cổ đông sáng lập không thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua thì số cổ phần chưa góp đủ đó của cổ đông sáng lập được xử lý theo một trong các cách sau đây:

a/ Các cổ đông sáng lập còn lại góp đủ số cổ phần đó theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Công ty.

b/ Một hoặc một số cổ đông sáng lập nhận góp đủ số cổ phần đó.

c/ Huy động người khác không phải là cổ đông sáng lập nhận góp đủ số cổ phần đó; người nhận góp vốn đó đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của Công ty. Trong trường hợp này, cổ đông sáng lập chưa góp cổ phần theo đăng ký đương nhiên không còn là cổ đông của Công ty.

Khi số cổ phần đăng ký góp của các cổ đông sáng lập chưa được góp đủ thì các cổ đông sáng lập cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số cổ phần chưa góp đủ đó.

5- Trường hợp các cổ đông sáng lập không đăng ký mua hết số cổ phần được quyền chào bán thì số cổ phần còn lại phải được chào bán và bán hết trong thời hạn ba năm, kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

6- Trong thời hạn ba năm, kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền

biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của Công ty.

Sau thời hạn ba năm, kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ.

Điều 13: Cổ phiếu

1- Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty đó. Cổ phiếu có ghi tên. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a/ Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty.

b/ Số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

c/ Số lượng cổ phần và loại cổ phần.

d/ Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu.

đ/ Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức đối với cổ phiếu có ghi tên.

e/ Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần.

g/ Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

h/ Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu.

2- Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với Công ty.

3- Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó.

Đề nghị của cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau đây:

a/ Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Công ty để tiêu hủy.

b/ Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Đối với cổ phiếu có giá trị danh nghĩa trên 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác và sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Công ty cấp cổ phiếu mới.

Điều 14: Sổ đăng ký cổ đông

1- Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.



2- Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a/ Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;

b/ Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c/ Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;

d/ Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức;

đ/ Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

3- Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của công ty hoặc trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.

4- Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên phải được đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày có được tỷ lệ sở hữu đó.

Điều 15: Chào bán và chuyển nhượng cổ phần

1- Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

a/ Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;

b/ Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;

c/ Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;

2- Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty thì phải thực hiện theo quy định sau đây:

a/ Công ty thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của họ. Thông báo phải được đăng báo trong ba số liên tiếp trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày thông báo.

b/ Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại Công ty; tổng số cổ phần dự kiến phát hành và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để cổ đông đăng ký mua được cổ phần. Kèm theo thông báo có mẫu phiếu đăng ký mua do Công ty phát hành;



c/ Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác;

d/ Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng quản trị quản lý. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông của Công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp cổ phần được bán qua trung tâm giao dịch chứng khoán.

3- Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 86 của Luật doanh nghiệp được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.

4- Sau khi cổ phần được bán, Công ty phát hành và trao cổ phiếu cho người mua.

5- Các cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 81 và khoản 5 Điều 84 của Luật doanh nghiệp. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường hoặc bằng cách trao tay cổ phiếu. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện uỷ quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông.

Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong cổ phiếu có ghi tên thì cổ phiếu cũ bị huỷ bỏ và Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

6- Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 16: Phát hành trái phiếu

1- Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của Pháp luật.

2- Công ty không được quyền phát hành trái phiếu trong các trường hợp sau đây:

a/ Không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong ba năm liên tiếp trước đó.

b/ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế bình quân của ba năm liên tiếp trước đó không cao hơn mức lãi suất dự kiến trả cho trái phiếu định phát hành.

Việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn không bị hạn chế bởi các quy định tại điểm a và điểm b khoản này.

3- Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình quyết định của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.

Điều 17: Mua cổ phần, trái phiếu



Cổ phần, trái phiếu của Công ty có thể được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác và phải được thanh toán đủ một lần.

Điều 18: Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1- Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày (mười ngày) làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.

2- Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá do Hội đồng quản trị xác định trong thời hạn 90 ngày (chín mươi ngày), kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng. Mọi chi phí thuê tổ chức định giá chuyên nghiệp do bên có yêu cầu thuê chi trả.

Điều 19: Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty.

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

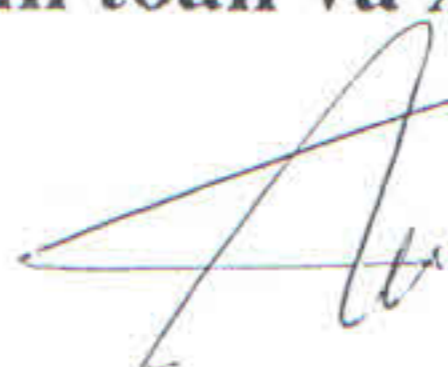
1- Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

2- Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu cổ đông có liên quan không có thoả thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;

3- Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

Điều 20: Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại.



1- Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 90 và Điều 91 của Luật doanh nghiệp nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

2- Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 90 và Điều 91 của Luật doanh nghiệp được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán.

3- Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu huỷ ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu huỷ hoặc chậm tiêu huỷ cổ phiếu gây ra đối với Công ty.

4- Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 21: Trả cổ tức

1- Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú của cổ đông.

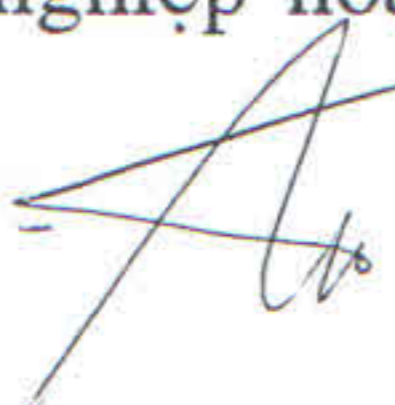
Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi Công ty đã có đủ chi tiết về Ngân hàng của cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản Ngân hàng của cổ đông. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của cổ đông thì Công ty không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.

2- Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên công ty; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

3- Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

Điều 22: Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức.

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật doanh nghiệp hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 93 của Luật doanh



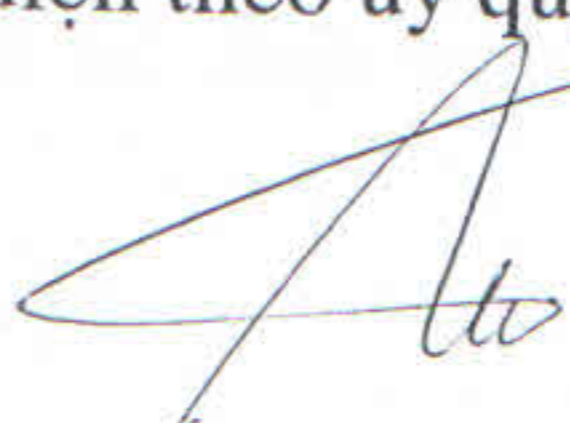
nghiệp thì các cổ đông phải hoàn trả cho công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

CHƯƠNG IV

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 23: Đại hội đồng cổ đông.

- 1- Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
- 2- Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a/ Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b/ Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần.
 - c/ Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - d/ Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
 - đ/ Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.
 - e/ Thông qua báo cáo tài chính hàng năm.
 - g/ Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.
 - h/ Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông.
 - i/ Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty.
 - k/ Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.
- 3- Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền phải được thông báo bằng văn bản đến công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a/ Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh của cổ đông.
 - b/ Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty.
 - c/ Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo uỷ quyền.
 - d/ Số cổ phần được uỷ quyền đại diện.
 - đ/ Thời hạn đại diện theo uỷ quyền.



e/ Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.

Công ty phải gửi thông báo về người đại diện theo uỷ quyền quy định tại khoản này đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

Điều 24: Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

1- Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2- Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

a/ Báo cáo tài chính hàng năm.

b/ Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở Công ty.

c/ Báo cáo của Ban kiểm soát về quản lý Công ty của Hội đồng quản trị, Giám đốc.

d/ Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại.

đ/ Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

3- Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a/ Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

b/ Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật.

c/ Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 79 của Luật doanh nghiệp.

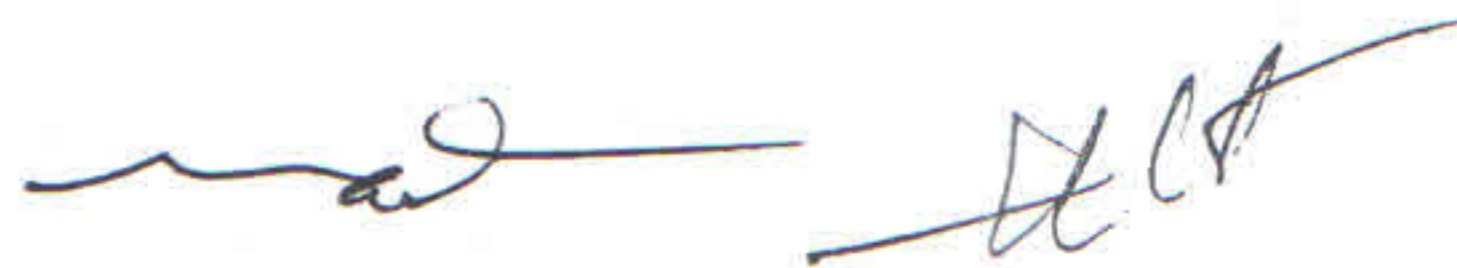
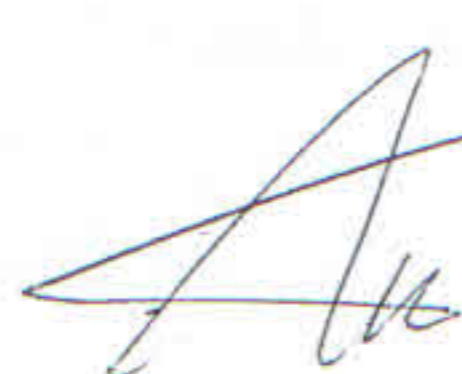
d/ Theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

đ/ Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

4- Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

5- Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.



Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì trường hợp ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

6- Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 79 của Luật doanh nghiệp đã yêu cầu có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

7- Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật doanh nghiệp.

8- Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 4, 5 và 6 của Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Điều 25: Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

1- Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất mười ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.

2- Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

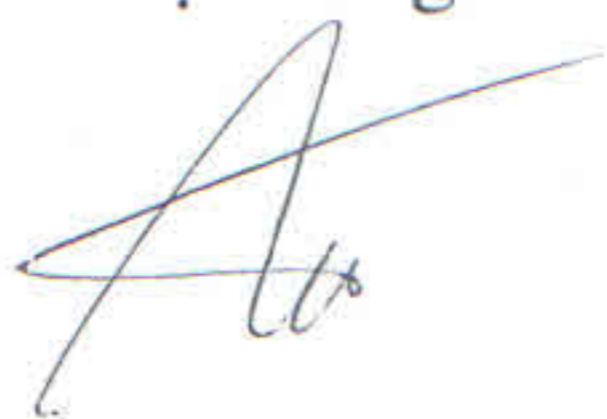
3- Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ xung những thông tin cần thiết trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26: Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; xác định thời gian, địa điểm họp và gửi thông báo mời họp đến các cổ đông có quyền dự họp.

2- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 79 của Luật doanh nghiệp có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, số và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây:



- a/ Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.
- b/ Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

4- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ xung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 27: Mời họp Đại hội đồng cổ đông.

1- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp được gửi bằng văn bản hoặc thông báo trên báo lao động hoặc Website của Công ty. Tất cả cổ đông có quyền dự họp phải đăng ký dự họp chậm nhất 07 ngày làm việc trước ngày khai mạc.

Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông; thời gian và địa điểm họp.

2- Kèm theo thông báo mời họp phải có mẫu chỉ định đại diện theo uỷ quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Nếu Công ty có trang thông tin điện tử thì thông báo mời họp và các tài liệu gửi kèm theo phải được công bố trên trang thông tin điện tử đó đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.

Điều 28: Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1- Tất cả các cổ đông sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 10.000 cổ phần trở lên có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông sở hữu số cổ phần ít hơn quy định, phải nhóm họp để uỷ quyền cử người đại diện tham dự Đại hội.

2- Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc uỷ quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo uỷ quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 96 của Luật doanh nghiệp thì uỷ quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

3- Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a/ Trường hợp cổ đông là cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp.

b/ Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.

c/ Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp. Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.



4- Trừ trường hợp quy định tại khoản 5 điều này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a/ Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.

b/ Người uỷ quyền đã chấm dứt việc uỷ quyền.

5- Quy định tại khoản 2 Điều này không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này chậm nhất 24 giờ trước giờ khai mạc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông.

6- Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

Điều 29: Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3- Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4- Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 100 của Luật doanh nghiệp.

Điều 30: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo quy định sau đây:

1- Trước ngày khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp. Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết tương ứng với số cổ phần mà cổ đông sở hữu và số cổ phần được uỷ quyền;

2- Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:

a/ Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp; trường hợp không có người có thể làm chủ tọa thì thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để



Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

b/ Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

c/ Chủ tọa cử một người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

d/ Đại hội đồng cổ đông bầu ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3- Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4- Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

5- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập họp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6- Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

7- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:

a/ Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác.

b/ Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8- Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp các trường hợp sau đây:

a/ Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp.

b/ Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

9- Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

Điều 31: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.



1- Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2- Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a/ Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

b/ Thông qua định hướng phát triển Công ty.

c/ Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán.

d/ Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

đ/ Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

e/ Thông qua báo cáo tài chính hằng năm.

g/ Tổ chức lại, giải thể Công ty.

3- Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:

a/ Được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

b/ Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; tổ chức lại, giải thể Công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

c/ Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

4- Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

5- Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

6- Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày quyết định được thông qua.

Điều 32: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:



1- Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2- Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông.

3- Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a/ Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty.

b/ Mục đích lấy ý kiến.

c/ Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.

d/ Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định.

đ/ Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

e/ Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời.

g/ Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4- Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

5- Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a/ Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh.

b/ Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định.

c/ Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.

d/ Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề.

đ/ Các quyết định đã được thông qua.

e/ Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.



Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6- Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được thông tin cho các cổ đông khi có yêu cầu của cổ đông và được lưu giữ tại Công ty.

7- Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8- Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 33: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

1- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a/ Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh.

b/ Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.

c/ Chương trình và nội dung cuộc họp.

d/ Chủ tọa và thư ký.

đ/ Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

g/ Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng.

h/ Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

i/ Các quyết định đã được thông qua.

k/ Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài, có hiệu lực pháp lý như nhau.

2- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc.

3- Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được thông tin cho các cổ đông khi có yêu cầu của cổ đông. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 34: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên



Hội đồng quản trị, Giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu tòa án hoặc trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1- Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ Công ty;

2- Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 35: Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty.

Cơ cấu, tổ chức, quản lý của Công ty gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc, Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Giám đốc là người điều hành công việc sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Giúp việc cho Giám đốc là các Phó giám đốc. Phó giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc ký hợp đồng theo đề nghị của Giám đốc. Phó giám đốc được bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng với thời gian tối đa là 5 năm và có thể được bổ nhiệm lại hoặc ký hợp đồng tiếp với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Kế toán trưởng của Công ty do Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng theo đề nghị của Giám đốc. Kế toán trưởng được bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng với thời gian tối đa là 5 năm và có thể được bổ nhiệm lại hoặc ký hợp đồng tiếp với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Ban kiểm soát là cơ quan thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý, điều hành Công ty.

Tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Giám đốc, Ban kiểm soát trong quản lý điều hành là các phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ thuộc Công ty.

Điều 36: Hội đồng quản trị.

1- Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2- Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:



a/ Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty.

b/ Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.

c/ Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại, quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.

d/ Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty.

đ/ Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Luật doanh nghiệp.

e/ Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật doanh nghiệp.

g/ Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 120 của Luật doanh nghiệp.

h/ Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng; Giám đốc chi nhánh, quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó.

i/ Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.

k/ Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.

l/ Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định.

m/ Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông.

n/ Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

o/ Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty.

p/ Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.

3- Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4- Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục

trong thời hạn ít nhất một năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.

Điều 37: Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.

1- Hội đồng quản trị có 3 thành viên. Số thành viên Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 5 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 5 năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2- Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

3- Trường hợp có thành viên được bầu bổ xung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

4- Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 38: Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị.

1- Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a/ Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp.

b/ Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh, hoặc trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.

Điều 39: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

1- Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị thì Chủ tịch được bầu trong số thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Giám đốc Công ty.

2- Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a/ Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.

b/ Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.

c/ Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị.

d/ Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.

đ/ Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông.

e/ Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.

3- Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.

Điều 40: Cuộc họp Hội đồng quản trị.



1- Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập.

Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2- Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác.

3- Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

4- Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

a/ Có đề nghị của Ban kiểm soát.

b/ Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất năm người quản lý khác.

c/ Có đề nghị của ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5- Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6- Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 3 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7- Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến Ban kiểm soát và Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Trưởng Ban kiểm soát, Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8- Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ hai phần ba tổng số thành viên trở lên dự họp. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

9- Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được uỷ quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 41: Biên bản họp Hội đồng quản trị.

1- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

a/ Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

b/ Mục đích, chương trình và nội dung họp;

c/ Thời gian, địa điểm họp;

d/ Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

đ/ Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e/ Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g/ Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h/ Các quyết định đã được thông qua;

i/ Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo uỷ quyền dự họp.

Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

2- Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3- Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có giá trị pháp lý ngang nhau.

Điều 42: Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.

1- Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

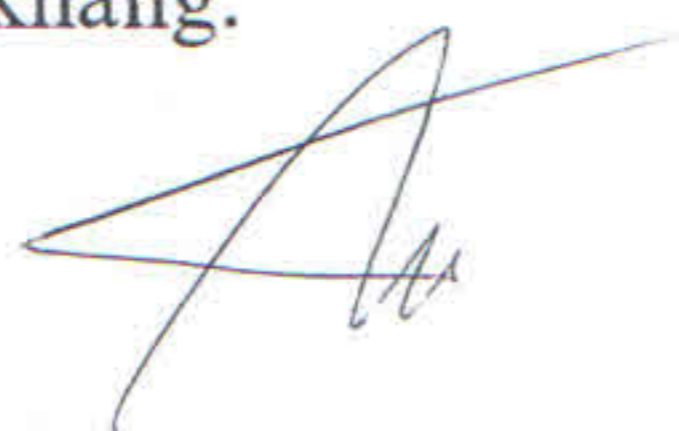
2- Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 43: Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ xung thành viên Hội đồng quản trị.

1- Thành viên HĐQT bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a/ Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 38 của Điều lệ này.

b/ Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 6 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.



c/ Có đơn xin từ chức.

2- Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3- Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày (sáu mươi ngày), kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba để bầu bổ xung thành viên Hội đồng quản trị.

Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 44: Giám đốc Công ty

1- Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong hội đồng quản trị làm Giám đốc Công ty.

2- Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

- Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 5 năm, có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

- Tiêu chuẩn, điều kiện của Giám đốc Công ty:

a/ Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp qui định tại khoản 2 Điều 13 Luật doanh nghiệp.

b/ Là cổ đông sở hữu ít nhất 5% số cổ phần phổ thông hoặc là người khác thì phải có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong ngành nghề kinh doanh chính của Công ty.

3- Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a/ Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị.

b/ Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.

c/ Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty.

d/ Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty.

đ/ Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

e/ Trình đề nghị Hội đồng quản trị cử người đại diện phân vốn góp tại doanh nghiệp khác.

f/ Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc.

g/ Tuyển dụng lao động.

h/ Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.

i/ Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Hội đồng quản trị.



4- Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

Điều 45: Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc:

1- Công ty có quyền trả thù lao, tiền lương cho thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2- Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc được trả theo qui định sau:

a/ Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng, Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí, tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

b/ Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

c/ Giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

3- Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, tiền lương của Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 46: Công khai các lợi ích liên quan

1- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm:

a/ Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b/ Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 35% vốn Điều lệ.

2- Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ xung phải được khai báo với Công ty trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ xung tương ứng.

3- Việc kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp. Cổ đông đại diện theo uỷ quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết.



4- Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Điều 47: Nghĩa vụ của người quản lý công ty.

1- Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng có các nghĩa vụ sau đây:

a/ Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, Pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

b/ Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty.

c/ Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

d/ Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.

2- Ngoài các nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị và Giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.

3- Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Điều 48: Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận.

1- Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận.

a/ Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 35% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ.

b/ Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc.

c/ Doanh nghiệp quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 118 của Luật doanh nghiệp và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc.

2- Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của Công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.



3- Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.

4- Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này. Người đại diện theo pháp luật của Công ty, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 49: Ban kiểm soát

1- Ban kiểm soát có từ 3 thành viên; nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 5 năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2- Các thành viên Ban kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam và phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

3- Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 50: Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát

1- Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a/ Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp.

b/ Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác.

2- Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý Công ty. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

Điều 51: Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

1- Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

2- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.



4- Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 79 của Luật doanh nghiệp.

5- Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 79 của Luật doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

6- Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7- Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty quy định tại Điều 119 của Luật doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

8- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

9- Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

Điều 52: Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1- Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

2- Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

3- Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của Công ty làm việc.

4- Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

Điều 53: Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1- Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được trả theo mức do Đại hội đồng cổ đông quyết định.



2- Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

3- Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, Pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

Điều 54: Nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát

1- Tuân thủ đúng Pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty.

3- Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4- Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.

5- Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều này đều thuộc sở hữu của Công ty.

6- Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 55: Miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban kiểm soát

1- Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a/ Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 51 của Điều lệ này;

b/ Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c/ Có đơn xin từ chức;

2- Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3- Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.

Điều 56: Thư ký Công ty.

- Hội đồng quản trị chỉ định thư ký Công ty cùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Thư ký của Công ty có thể là một hay một số người.



- Nhiệm vụ của thư ký Công ty:

- 1- Giúp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông.
- 2- Làm biên bản các cuộc họp.
- 3- Tư vấn nội dung, chương trình, thủ tục các cuộc họp.
- 4- Cung cấp các tài liệu, các thông tin cần thiết cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
- 5- Có trách nhiệm bảo mật thông tin của Công ty theo qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VI

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ, THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG VÀ KIỂM TOÁN

Điều 57: Báo cáo thường niên.

Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo qui định của pháp luật và báo cáo phải được kiểm toán. Trong thời gian 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm cho cơ quan thuế và các cơ quan có liên quan.

Điều 58: Công bố thông tin và thông báo ra công chúng.

1- Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được công bố trên phương tiện thông tin đại chúng để các cổ đông được tiếp cận thông tin. Trường hợp Công ty có Website các báo cáo tài chính phải được công bố trên Website đó và địa chỉ Website được thông báo cho các cổ đông trên phương tiện thông tin đại chúng.

2- Các cổ đông quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty

Điều 59: Kiểm toán Công ty

Đại hội đồng cổ đông quyết định hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Công ty theo qui định của Luật doanh nghiệp và Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

CHƯƠNG VII

CÁC CHẾ ĐỘ VỀ LAO ĐỘNG VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 60: Lao động.

1- Việc tuyển dụng, sử dụng, chấm dứt hợp đồng lao động thực hiện theo Bộ luật lao động và quy chế tuyển dụng, sử dụng lao động của Công ty.

2- Giám đốc có quyền tuyển dụng lao động hoặc chấm dứt hợp đồng lao động, theo yêu cầu của sản xuất kinh doanh của Công ty và phù hợp với Luật lao động.

Điều 61: Tiền lương - Quyền lợi và trách nhiệm người lao động.

1- Tiền lương và các khoản tiền thưởng đối với người lao động căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2- Người lao động trong Công ty được hưởng quyền lợi theo quy định của bản Điều lệ này và bản thoả ước lao động tập thể hợp pháp.

3- Người lao động trong Công ty được thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật.

4- Người lao động trong Công ty phải có nghĩa vụ chấp hành đầy đủ nội quy, quy chế, kỷ luật của Công ty và pháp luật của Nhà nước.

CHƯƠNG VIII

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ LẬP QUỸ

Điều 62: Chế độ hạch toán kế toán - tài chính

1- Công ty hoạt động trên nguyên tắc tự quản về tài chính, tự cân đối các khoản thu, chi, có trách nhiệm bảo toàn và làm sinh lợi các nguồn vốn của Công ty.

2- Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày Công ty chính thức được thành lập, đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó.

3- Công ty thực hiện hạch toán kế toán theo đúng pháp lệnh kế toán thống kê hiện hành.

4- Cuối mỗi niên khóa Hội đồng quản trị xem xét, thông qua quyết toán để trình Đại hội đồng cổ đông.

4.1- Bản cân đối kế toán của Công ty.

4.2- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

4.3- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4.4- Thuyết minh báo cáo tài chính.

4.5- Báo cáo tổng hợp kiểm kê tài sản cuối niên độ.

5- Các bản báo cáo này phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ít nhất trước 15 ngày của kỳ đại hội thường niên.

6- Sau đại hội, các văn bản, biên bản Đại hội đồng cổ đông và tất cả các chứng từ có liên quan phải được lưu trữ tại văn phòng Công ty theo luật định.

Điều 63: Lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ.

1- Theo các quy định về chế độ tài chính do Nhà nước ban hành với các Công ty cổ phần, lợi nhuận của Công ty gồm:



1.1- Lợi nhuận chung = Tổng thu nhập - Tổng chi phí

1.2- Lợi nhuận ròng = Lợi nhuận chung - Thuế.

2- Trước khi phân chia cổ tức cho các cổ đông phải trích lập các quỹ.

2.1- Quỹ dự trữ bắt buộc: Ít nhất bằng 5% lợi nhuận ròng để bổ xung vốn Điều lệ và để dự trữ tài chính cho năm sau cho đến mức bằng 10% vốn điều lệ.

2.2- Các quỹ do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

+ Quỹ đầu tư phát triển

+ Quỹ khen thưởng.

+ Quỹ phúc lợi.

3- Các quỹ không hình thành từ lợi nhuận.

3.1- Quỹ bảo hành sản phẩm.

3.2- Quỹ khấu hao tài sản cố định.

3.3- Quỹ khấu hao sửa chữa lớn tài sản.

4- Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng quy chế phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm.

Điều 64: Xử lý khi kinh doanh thua lỗ.

Trường hợp kinh doanh thua lỗ, Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định giải quyết kịp thời theo các giải pháp.

1- Trích từ quỹ dự trữ bù lỗ.

2- Chuyển một phần lỗ sang năm sau, đồng thời Đại hội đồng cổ đông phải quyết định cho biện pháp để khắc phục.

CHƯƠNG IX

GIẢI THỂ, THANH LÝ, TỔ TỤNG VÀ TRANH CHẤP

Điều 65: Giải thể.

Công ty cổ phần Cầu 14 giải thể trong các trường hợp sau đây:

1- Trường hợp Công ty bị lỗ đến 3/4 vốn điều lệ, mọi cổ đông đều có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để quyết định giải thể Công ty.

2- Khi có lý do chính đáng, Hội đồng Quản trị có quyền đề nghị để Đại hội đồng cổ đông bất thường quyết định giải thể Công ty.

3- Quyết định của toà án và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 66: Thanh lý



1- Khi có quyết định giải thể Công ty, Đại hội đồng cổ đông lập hội đồng thanh lý thay thế Hội đồng Quản trị để cùng kiểm soát viên làm nhiệm vụ thanh lý Công ty theo thời gian quy định và theo thể lệ tài chính hiện hành;

2- Trong thời gian thanh lý, các thanh lý viên và kiểm soát viên có quyền đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết.

Điều 67: Tố tụng, tranh chấp

1- Công ty cổ phần Cầu 14 có quyền bình đẳng trước Pháp luật với mọi pháp nhân, cá nhân khi có tố tụng, tranh chấp.

2- Trong thời gian hoạt động bình thường cũng như trong trường hợp thanh lý, mọi quyết định xử lý các tranh tụng liên quan đến Công ty đều thuộc thẩm quyền của các cơ quan chức năng Nhà nước theo quy định hiện hành.

3- Mọi cổ đông có quyền khiếu nại đòi quyền lợi chính đáng của mình và đòi bồi thường thiệt hại do lỗi của bất cứ thành viên nào trong Công ty gây ra. Nếu Hội đồng quản trị bỏ qua thì các cổ đông có thể cử đại diện đứng đơn khiếu nại trước cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

CHƯƠNG X

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 68: Hiệu lực của Điều lệ.

1- Điều lệ của Công ty có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

2- Điều lệ này chi phối toàn bộ mọi hoạt động của Công ty và mọi thành viên của Công ty có nghĩa vụ thi hành.

Điều 69: Con dấu

1- Con dấu của Công ty được khắc và sử dụng theo quy định của Pháp luật.

2- Hội đồng quản trị giao Giám đốc quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của Pháp luật.

Điều 70: Thể thức sửa đổi, bổ sung các điều khoản của Điều lệ

1- Khi muốn bổ sung, sửa đổi Điều lệ này, Hội đồng quản trị sẽ đề nghị những mục hay vấn đề cần thay đổi hoặc cần bổ sung và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2- Trừ trường hợp có những quyết định của Pháp luật liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập đến trong bản Điều lệ hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định mới của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh những hoạt động của Công ty.

3- Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ có thể được thực hiện bằng các phụ lục đính kèm. Các văn bản đính kèm này là phần không thể tách rời của bản Điều lệ.

Điều 71: Điều khoản thi hành.

Công ty được chính thức hoạt động khi Đại hội đồng cổ đông đã làm đủ các thủ tục sau:

- 1- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua toàn bộ các điều khoản trong Điều lệ.
- 2- Đã bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc Công ty.
- 3- Đại hội đồng cổ đông đồng ý uỷ quyền cho Hội đồng quản trị toàn quyền điều hành Công ty, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.
- 4- Hoàn tất các thủ tục đăng ký kinh doanh với các cơ quan Nhà nước theo pháp luật hiện hành và được cơ quan Nhà nước cấp giấy phép đăng ký kinh doanh.

Điều 72: Điều khoản cuối cùng.

- 1- Bản điều lệ này gồm 10 chương 72 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 17 tháng 4 năm 2015.
- 2- Điều lệ được lập thành 10 bản có giá trị như nhau:
 - 01 bản nộp tại phòng công chứng.
 - 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo qui định.
 - 04 bản lưu trữ tại văn phòng Công ty.
- 3- Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
- 4- Các bản sao hoặc trích lục điều lệ Công ty phải có chữ ký và dấu của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2015

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Mạnh Tiến

THÀNH VIÊN HĐQT

Nguyễn Đình Tuy

THÀNH VIÊN HĐQT

Mai Xuân Định